

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ TÂN TIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:13/NQ-HĐND

Tân Tiến, ngày 18 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương
năm 2025 xã Tân Tiến

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÂN TIẾN
KHOÁ I, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về việc “Ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm”;

Căn cứ Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025 - 2027;

Căn cứ Nghị quyết số 176/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ % phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi Nghị quyết số 176/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 tỉnh Thanh Hoá;

Căn cứ Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 655/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 2211/QĐ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân

sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 17-TB/ĐU ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Ban thường vụ Đảng ủy xã Tân Tiến;

Xét Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Tân Tiến về việc đề nghị phê chuẩn phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 xã Tân Tiến; Báo cáo thẩm tra số 11/BC-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và các ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân xã,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định phân bổ dự toán chi Ngân sách địa phương năm 2025 xã Tân Tiến, với các nội dung chủ yếu sau:

Tổng chi Ngân sách địa phương năm 2025:	116.859 triệu đồng
1. Chi đầu tư phát triển:	2.100 triệu đồng
Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất:	2.100 triệu đồng
2. Chi thường xuyên:	101.276 triệu đồng
Trong đó:	
+ Chi sự nghiệp kinh tế:	2.438 triệu đồng
+ Chi quốc phòng:	90 triệu đồng
+ Chi an ninh địa phương:	1.437 triệu đồng
+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:	53.844 triệu đồng
+ Chi sự nghiệp y tế:	7.839 triệu đồng
+ Chi quản lý hành chính:	22.030 triệu đồng
+ Chi sự nghiệp VH-TT, TDTT:	401 triệu đồng
+ Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:	11.672 triệu đồng
+ Chi sự nghiệp môi trường:	242 triệu đồng
+ Chi khác ngân sách:	242 triệu đồng
+ Chi trích nguồn thi đua khen thưởng:	28 triệu đồng
+ Chi tạo nguồn thực hiện CCTL:	1.013 triệu đồng
3. Chi dự phòng ngân sách:	1.912 triệu đồng
4. Chi các chính sách và chương trình, mục tiêu:	11.571 triệu đồng

(Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật ban hành Quyết định chi ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp xã năm 2025 và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả; định kỳ báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân xã.

Phụ lục 01

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 18/8/2025 của HĐND xã Tân Tiến)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán Tỉnh giao	Dự toán HĐND xã giao
A	B	1	2
	TỔNG CHI NSĐP	116.587	116.859
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC	105.016	105.288
I	Chi đầu tư phát triển	1.828	2.100
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.828	2.100
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế,		
3	Chi đầu tư phát triển khác		
II	Chi thường xuyên	101.276	101.276
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	54.557	54.557
-	Chi quốc phòng	90	90
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.437	1.437
-	Chi y tế, dân số và gia đình	7.839	7.839
-	Chi văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh, truyền hình	415	415
-	Chi bảo vệ môi trường	256	256
-	Chi các hoạt động kinh tế	2.458	2.458
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	22.310	22.310
-	Chi bảo đảm xã hội	11.672	11.672
-	Chi thường xuyên khác	242	242
III	Dự phòng ngân sách	1.912	1.912
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
V	Chi từ nguồn phân đấu tăng thu		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	11.571	11.571

Phụ lục 02
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TÙNG CỘ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
 (Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 18/8/2025 của HĐND xã Tân Tiến)

Đơn vị: triệu đồng

ST T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	CÁC CỘ QUAN, TỔ CHỨC	60.748	-	60.748	-	-	-	-	-	-
1	Văn phòng Đảng ủy xã	2.785	-	2.785	-	-	-	-	-	-
2	Cơ quan Thường trực HĐND	969	-	969	-	-	-	-	-	-
3	Cơ quan UBND xã	5.573	-	5.573	-	-	-	-	-	-
4	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1.777	-	1.777	-	-	-	-	-	-
5	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	170	-	170	-	-	-	-	-	-
6	Khối Giáo dục đào tạo	49.474	-	49.474	-	-	-	-	-	-
6.1	<i>Khối Mầm non</i>	12.348	-	12.348	-	-	-	-	-	-
	MN Nga Tân	4.449	-	4.449	-	-	-	-	-	-
	MN Nga Tiến	3.852	-	3.852	-	-	-	-	-	-
	MN Nga Thái	4.047	-	4.047	-	-	-	-	-	-
6.2	<i>Khối Tiểu học</i>	19.856	-	19.856	-	-	-	-	-	-
	TH Nga Tân	6.726	-	6.726	-	-	-	-	-	-
	TH Nga Tiến	5.520	-	5.520	-	-	-	-	-	-
	TH Nga Thái	7.610	-	7.610	-	-	-	-	-	-
6.3	<i>Khối THCS</i>	17.270	-	17.270	-	-	-	-	-	-
	THCS Nga Tân	5.479	-	5.479	-	-	-	-	-	-
	THCS Nga Tiến	5.027	-	5.027	-	-	-	-	-	-
	THCS Nga Thái	6.764	-	6.764	-	-	-	-	-	-



ST T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
II	CHI TRẢ NỢ LẠI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY									
III	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH									
IV	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG									
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU									

Phụ lục 03

DỰ TOÁN CHI DẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
 (Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 18/8/2025 của HĐND xã Tân Tiến)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng số	SN giáo dục	Chi Khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi ANTT & ATXH	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội	Chi đầu tư khác
												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Xã Tân Tiến	4.600	850								1.015	220	795	2.735		



Phụ lục 05

PHÂN BỐ CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 18/8/2025 của HĐND xã Tân Tiến)

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung	Tổng số dự toán xã giao	Trong đó					Tổ chức thực hiện
			Đã thực hiện chi đến 30/6/2025	Phân bổ 6 tháng cuối năm	Gồm			
					Tiết kiệm CCTL	Trích quỹ TĐKT	Số cấp phát	
A	B	1	2	3	4	5	6	7,0
*	Tổng chi ngân sách địa phương	105.288.000	52.625.499	52.662.501	1.013.100	27.904	51.621.496	
A	Chi dự phòng ngân sách	1.912.179		1.912.179			1.912.179	
B	Chi đầu tư phát triển	2.100.000	338.600	1.761.400			1.761.400	
C	Chi thường xuyên cân đối ngân sách cấp huyện	101.275.821	52.286.899	48.988.922	1.013.100	27.904	47.947.917	
I	Sự nghiệp kinh tế	2.457.664	2.048.887	408.777	17.878	1.388	389.512	
1	KP phân bổ cho 03 xã cũ đã chi (Dự toán đầu năm)	465.000	83.887					
2	KP nhận bàn giao của huyện	1.992.664	1.965.000	-				
-	Kinh phí cải tạo điện tích cói hoang (Nga Tiến)	60 000	60 000					
-	Kinh phí xây dựng hàng rào xanh (Nga Tân)	50 000	50 000					
-	Kinh phí phát quang hành lang bảo vệ đê điều và thoát lũ hệ thống đê trên địa bàn xã Nga Tiến	45 000	45 000					
-	Kinh phí phát quang hành lang bảo vệ đê điều và thoát lũ hệ thống đê trên địa bàn xã Nga Thái	30 000	30 000					
-	Kinh phí phát quang hành lang bảo vệ đê điều và thoát lũ hệ thống đê trên địa bàn xã Nga Tân	30 000	30 000					
-	Sửa chữa, cải tạo tuyến đê, kè hữu sông Càn từ Công Tiến An đến công Mộng Giương II xã Nga Tiến	1 750 000	1 750 000					
-	Bổ sung kinh phí 6 tháng cuối năm	27.664						
3	Kinh phí phân bổ 6 tháng cuối năm			408.777	17.878	1.388	389.512	
a	<i>Nông nghiệp</i>			30.000	-	-	30.000	
-	Thực hiện kiểm tra giám sát VSATTP			20.000			20.000	
-	Kinh phí tập huấn chuyển giao KHKTN			10.000			10.000	
b	<i>Thủy lợi</i>			240.000	4.000	-	236.000	
-	Hỗ trợ kinh phí phòng chống lụt bão			40.000	4.000		36.000	
-	Chi sửa chữa giao thông nông thôn, đê điều, cầu cống, kênh,...			200.000			200.000	
c	<i>Chi thực hiện nhiệm vụ phát sinh</i>			138.777	13.878	1.388	123.512	Giao UBND xã thực hiện phân bổ theo nhiệm vụ
II	Sự nghiệp môi trường	256.000	129.975	126.025	14.500	-	111.525	
1	KP phân bổ cho 03 xã cũ đã chi (Dự toán đầu năm)	173.404	129.975					

STT	Nội dung	Tổng số dự toán xã giao	Trong đó					Tổ chức thực hiện
			Đã thực hiện chi đến 30/6/2025	Phân bổ 6 tháng cuối năm	Gồm			
					Tiết kiệm CCTL	Trích quỹ TĐKT	Số cấp phát	
2	KP nhận bàn giao của huyện	82.596	-					-
-	KP thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm	68.096						
-	Tiết kiệm thực hiện CCTL và ASXH	14.500						
3	Kinh phí phân bổ 6 tháng cuối năm	-	-	126.025	14.500	-	111.525	
-	Chi công tác bảo vệ môi trường			111.525			111.525	Giao UBND xã thực hiện phân bổ theo nhiệm vụ
-	Tiết kiệm thực hiện CCTL và ASXH			14.500	14.500			
III	Sự nghiệp văn hóa thông tin, thể thao	415.000	63.349	351.651	13.923	-	337.728	
1	KP phân bổ cho 03 xã cũ đã chi (Dự toán đầu năm)	160.194	63.349					
2	KP nhận bàn giao của huyện	254.806	-					
-	Bổ sung KP chi chế độ và nghiệp vụ 6 tháng cuối năm	254.806						
3	Kinh phí phân bổ 6 tháng cuối năm			351.651	13.923	-	337.728	
a	Trung tâm cung ứng dịch vụ công			172.425	2.000	-	170.425	
-	Lương, các loại phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương			129.425			129.425	
-	Nghiệp vụ			20.000	2.000		18.000	
-	Chi quỹ tiền thưởng			23.000			23.000	
b	Chi cho các nhiệm vụ, đề án		-	179.226	11.923	-	167.303	
-	KP hoạt động văn hóa TDTT			25.000	2.500		22.500	Giao UBND xã thực hiện phân bổ theo nhiệm vụ
-	Kinh phí tuyên truyền, thông tin, truyền thông, chuyển đổi số...			60.000			60.000	
-	Các nhiệm vụ phát sinh			94.226	9.423		84.803	
IV	Sự nghiệp y tế	7.839.000	2.679.000	5.160.000			5.160.000	
	Trong đó: Mua thẻ BHXH cho các đối tượng CS	7.839.000	2.679.000	5.160.000			5.160.000	
V	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	11.672.000	6.981.313	4.690.687	-	-	4.690.687	
1	KP phân bổ cho 03 xã cũ đã chi (Dự toán đầu năm)	2.441.010	467.863					
2	KP nhận bàn giao của huyện	9.230.990	6.513.450					
-	Chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi	145.000	142.950					
-	Tiền điện hộ nghèo	125.000	33.620					
-	Chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ; Mai táng phí cho các đối tượng, trợ cấp thanh niên xung phong	8.460.000	6.336.880					



STT	Nội dung	Tổng số dự toán xã giao	Trong đó					Tổ chức thực hiện
			Đã thực hiện chi đến 30/6/2025	Phân bổ 6 tháng cuối năm	Gồm			
					Tiết kiệm CCTL	Trích quỹ TĐKT	Số cấp phát	
-	KP nghiệp vụ chuyên môn	500.990						
3	Kinh phí phân bổ 6 tháng cuối năm			4.690.687	-	-	4.690.687	
-	Chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi			2.050			2.050	
-	Tiền điện hộ nghèo			91.380			91.380	
-	Chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ; Mai táng phí cho các đối tượng, trợ cấp thanh niên xung phong			2.303.120			2.303.120	
-	Hưu trí xã (Văn Phòng HĐND-UBND xã)			170.000			170.000	
-	Chi ngày 27/7 và thăm hỏi khác			20.000			20.000	
-	Chi Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã			4.000			4.000	
-	Chi thù lao cho Bưu điện chi trả đối tượng BTXH (Theo QĐ 51 ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh)			69.219			69.219	
-	Kinh phí hoạt động đảm bảo xã hội phát sinh			2.030.918			2.030.918	Giao UBND xã thực hiện phân bổ theo nhiệm vụ
VI	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	54.557.000	29.365.818	25.191.182	713.496	-	24.477.686	
1	KP phân bổ cho 03 xã cũ đã chi (Dự toán đầu năm)	240.000	71.389	168.611			168.611	
2	KP nhận bàn giao của huyện	54.317.000	29.294.429	25.022.571	713.496	-	24.309.075	
-	Lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp	43.716.815	23.654.428	20.062.387			20.062.387	
-	Nghiệp vụ	3.093.000	1.511.181	1.581.819			1.581.819	
-	KP thực hiện cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo ND 81	368.000	178.100	189.900			189.900	
-	Trích 40% học phí dành CCTL	713.496		713.496	713.496			
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ, đề án	3.900.000	3.900.000	-			-	
-	Chi nhiệm vụ, đề án GDDT các xã, thị trấn, hoàn thiện tiêu chí KĐCL và công nhận chuẩn Quốc gia			-			-	
-	CS phát triển giáo dục MN theo ND 105/2020/NĐ-CP	94.000	32.000	62.000			62.000	
-	CS về giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch 42/2020/NĐ-CP	135.000	18.720	116.280			116.280	
-	Phần mềm tổng hợp báo cáo tài chính	36.000		36.000			36.000	
-	Quỹ khen thưởng theo quy định	2.260.689		2.260.689			2.260.689	
-	Chi các hoạt động giáo dục tại xã							
VII	Nguồn quản lý hành chính	22.310.379	10.241.252	12.069.127	253.304	26.517	11.789.306	-

STT	Nội dung	Tổng số dự toán xã giao	Trong đó					Tổ chức thực hiện
			Đã thực hiện chi đến 30/6/2025	Phân bổ 6 tháng cuối năm	Gồm			
					Tiết kiệm CCTL	Trích quỹ ĐBKT	Số cấp phát	
1	KP phân bổ cho 03 xã cũ đã chi (Dự toán đầu năm)	19.757.009	9.459.438					
2	KP nhận bàn giao của huyện	2.553.370	781.814	-	-	-	-	-
-	Kinh phí thực hiện số hóa lưu trữ hồ sơ trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền 2 cấp	135.000	135.000					
-	Bổ sung kinh phí cho biên chế tăng thêm năm 2025	45.021	45.021					
-	Kinh phí tổ chức ngày hội biên phòng toàn dân năm 2025	20.000	20.000					
-	Chi chế độ và nghiệp vụ (6 tháng đầu năm chi tại huyện)	581.793	581.793					
-	Chi chế độ và nghiệp vụ (bao gồm quỹ tiền thưởng)	1.771.556						
3	Kinh phí phân bổ 6 tháng cuối năm			12.069.127	253.304	26.517	11.789.306	
a	Văn phòng Đảng Ủy	-	-	2.805.150	18.000	1.800	2.785.350	
-	Kinh phí theo biên chế			1.634.197	18.000	1.800	1.614.397	
+	Lương, các loại phụ cấp và các khoản đóng góp (18 b/c)			1.454.197			1.454.197	
+	Nghiệp vụ			180.000	18.000	1.800	160.200	
-	Báo chi bộ nông thôn theo 99			41.000			41.000	
-	Phụ cấp cấp ủy theo QĐ 169TW			130.572			130.572	
-	Bồi dưỡng phục vụ hoạt động của cấp ủy theo QĐ169 (4 người x 0,2 x 2,34 x 6 tháng)			11.232			11.232	
-	KP Đảng theo quyết định 99			225.833			225.833	
-	KP thực hiện theo QĐ 2587-QĐ/TU ngày 17/10/2028			22.500			22.500	
-	Kinh phí đại hội Đảng			220.000			220.000	
-	Phụ cấp bí thư chi bộ (24 thôn)			342.576			342.576	
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024			177.240			177.240	
b	Hội đồng nhân dân		-	974.405	5.000	-	969.405	
-	Kinh phí theo biên chế			505.332	5.000	-	500.332	
+	Lương, các loại phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương			455.332			455.332	
+	Nghiệp vụ			50.000	5.000		45.000	
-	KP thực hiện chế độ chi tiêu của HĐND NQ 183/2019/NQ-HĐND			45.000			45.000	
-	Phụ cấp đại biểu HĐND xã			368.980			368.980	
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024			55.093			55.093	
c	Văn phòng UBND xã		-	4.782.432	80.410	8.041	4.693.981	
-	Kinh phí theo biên chế			3.115.800	40.000	4.000	3.071.800	

STT	Nội dung	Tổng số dự toán xã giao	Trong đó					Tổ chức thực hiện
			Đã thực hiện chi đến 30/6/2025	Phân bổ 6 tháng cuối năm	Gồm			
					Tiết kiệm CCTL	Trích quỹ TĐKT	Số cấp phát	
+	Lương, các loại phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương			2.715.800			2.715.800	
+	Nghiệp vụ			400.000	40.000	4.000	356.000	
-	KP bồi dưỡng người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư KN (NQ 49/NQ-HĐND ngày 12/7/2017)			36.000			36.000	
-	Kinh phí thực hiện chỉ đảm bảo cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính theo NQ 143 HĐND tỉnh (6 người x 15.000đx 22 ngày x 6 th)			11.880			11.880	
-	Kinh phí thực hiện Kênh Truyền phục vụ hệ thống Tabmis			5.256			5.256	
-	Kinh phí người trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục theo NQ250/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HDND tỉnh			17.000			17.000	
-	Kinh phí sử dụng các phần mềm, chữ ký số, chuyển đổi số, trang tin điện tử			100.000			100.000	
-	Phòng họp không giấy			40.000			40.000	
-	Truyền hình hội nghị			25.000			25.000	
-	Phụ cấp Thôn trưởng. (24 thôn)			327.132			327.132	
-	Phụ cấp thôn đội trưởng (24 thôn)			230.256			230.256	
-	Phụ cấp bán chuyên trách cấp xã			110.214			110.214	
-	Bổ sung nhiệm vụ phát sinh (Kinh phí tuyên truyền, tập huấn, kiểm tra, giám sát và bổ sung thêm các nhiệm vụ khác)			404.104	40.410	4.041	359.653	
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024			359.790			359.790	
d	Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã			1.785.952	8.000	800	1.777.152	
-	Kinh phí theo biên chế			622.400	8.000	800	613.600	
+	Lương, các loại PC và các khoản đóng góp theo lương			542.400			542.400	
+	Nghiệp vụ			80.000	8.000	800	71.200	
-	Phụ cấp cán bộ không chuyên trách			98.531			98.531	
-	P.cấp Trưởng ban công tác mặt trận			230.256			230.256	
-	Hỗ trợ hoạt động các chi hội trưởng đoàn thể chính trị ở thôn			252.720			252.720	
-	Kinh phí hoạt động các tổ chức chính trị - xã hội tại thôn theo NQ3 (24 thôn x 15tr/thôn)			255.400			255.400	
	Trong đó:							
	<i>Nga Tân cũ</i>			<i>65.520</i>			<i>65.520</i>	
	<i>Nga Tiên cũ</i>			<i>54.880</i>			<i>54.880</i>	

STT	Nội dung	Tổng số dự toán xã giao	Trong đó					Tổ chức thực hiện
			Đã thực hiện chỉ đến 30/6/2025	Phân bổ 6 tháng cuối năm	Gồm			
					Tiết kiệm CCTL	Trích quỹ TĐKT	Số cấp phát	
	<i>Nga Thái cũ</i>			135.000			135.000	
-	Kinh phí Ban mặt trận ở KDC (24 khu dân cư x 5tr/KDC)			96.000			96.000	
	<i>Nga Tân cũ</i>			30.000			30.000	
	<i>Nga Tiến cũ</i>			21.000			21.000	
	<i>Nga Thái cũ</i>			45.000			45.000	
-	Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết XDNTM, đô thị văn minh" theo TT 121/2017/TT-BTC (20 triệu/1 xã)			60.000			60.000	
	<i>Nga Tân cũ</i>			20.000			20.000	
	<i>Nga Tiến cũ</i>			20.000			20.000	
	<i>Nga Thái cũ</i>			20.000			20.000	
-	Giám sát đầu tư cộng đồng + thanh tra nhân dân			15.000			15.000	
-	Kinh phí cộng tác viên dân dân số - Kế hoạch hóa gia đình thôn			14.400			14.400	
-	Kinh phí tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng theo QĐ 04/2024/QĐ-TTg			9.000			9.000	
-	Kp hoạt động giám sát phân biện XH theo NQ109			15.000			15.000	
-	Kinh phí hoạt động theo NQ 31:			48.000			48.000	
	<i>Hoạt động nghiệp vụ (6 triệu/ 1 xã)</i>			9.000			9.000	
	<i>Kinh phí hoạt động của đoàn thanh niên (8 triệu/xã)</i>			12.000			12.000	
	<i>Kinh phí hoạt động HLHPN (6 triệu/xã)</i>			9.000			9.000	
	<i>Kinh phí hoạt động Hội nông dân (6 triệu/xã)</i>			9.000			9.000	
	<i>Kinh phí hoạt động Hội CCB (6 triệu/xã)</i>			9.000			9.000	
-	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024			69.245			69.245	
e	<i>Chi khác</i>			120.000	12.000	1.200	106.800	
-	Kinh phí tuyên truyền trên về kinh tế xã hội			120.000	12.000	1.200	106.800	
f	Kinh phí tuyên truyền PBCDPL			15.000			15.000	
g	Kinh phí kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống CAND Việt Nam, 20 năm Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc			24.000			24.000	

STT	Nội dung	Tổng số dự toán xã giao	Trong đó					Tổ chức thực hiện
			Đã thực hiện chi đến 30/6/2025	Phân bổ 6 tháng cuối năm	Gồm			
					Tiết kiệm CCTL	Trích quỹ TĐKT	Số cấp phát	
h	Kinh phí ngày Đại đoàn kết			24.000			24.000	
i	Chi nhiệm vụ phát sinh và kinh phí tăng lương			1.404.556	129.894	14.676	1.259.987	Giao UBND xã thực hiện phân bổ theo nhiệm vụ
k	<i>Quyê khen thưởng theo quy định (chưa phân bổ)</i>			133.632			133.632	
VIII	Chi an ninh địa phương	1.436.778	732.305	704.473	-	-	704.473	
1	KP đã phân bổ cho các xã	1.436.778	732.305					
2	Kinh phí phân bổ 6 tháng cuối năm		-	704.473			704.473	
-	Chế độ ANTT (Văn phòng HĐND-UBND xã)			659.473			659.473	
-	KP hoạt động khác			45.000			45.000	
IX	Chi quốc phòng	90.000	45.000	45.000	-	-	45.000	
1	KP đã phân bổ cho các xã	90.000	45.000		-	-		
2	Kinh phí phân bổ 6 tháng cuối năm			45.000			45.000	
-	KP hoạt động QP			45.000			45.000	
X	Chi khác ngân sách	242.000		242.000			242.000	
2	Kinh phí phân bổ 6 tháng cuối năm			242.000			242.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ TÂN TIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:14/NQ-HĐND

Tân Tiến, ngày 18 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
từ nguồn vốn ngân sách xã Tân Tiến**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÂN TIẾN
KHOÁ I, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 1686/NQ-HĐND ngày 16/6/2025 của ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 27/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Nga Tân khóa XX về phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách xã Nga Tân quản lý giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 19/01/2021 của Hội đồng nhân dân xã Nga Tiến khóa XX về phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách xã Nga Tiến quản lý giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 19/01/2021 của Hội đồng nhân dân xã Nga Thái khóa XX về phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách xã Nga Thái quản lý giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND huyện Nga Sơn về việc bàn giao, tiếp nhận các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công cấp huyện về cấp tỉnh, cấp huyện về cấp xã, xã cũ về xã mới;



Căn cứ Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025) của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh và của ngân sách cấp xã (đợt 1);

Xét Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 17/8/2025 của UBND xã Tân Tiến về việc đề nghị phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn vốn ngân sách xã Tân Tiến; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã và các ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn vốn ngân sách xã Tân Tiến, với những nội dung sau:

I. Nguyên tắc lập kế hoạch, thứ tự ưu tiên bố trí vốn

1. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công

Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 phải đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 51 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024, cụ thể:

- Phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, phương hướng hoặc kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 05 năm và hằng năm của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương và các quy hoạch đã được phê duyệt, kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm;

- Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác, đảm bảo cân đối vĩ mô, ưu tiên an toàn nợ công;

- Việc phân bổ đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công trong từng giai đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Ưu tiên bố trí vốn cho các ngành, lĩnh vực theo mục tiêu và định hướng phát triển của từng thời kỳ;

- Đảm bảo công khai, minh bạch và công bằng;

- Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho địa phương theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư;

- Kế hoạch đầu tư công hằng năm phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt, từ kế hoạch đầu tư công năm đầu tiên.

2. Thứ tự ưu tiên bố trí vốn

- Bố trí đủ vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước theo quy định của pháp luật (nếu có);
- Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp đảm bảo hoàn thành dự án, phù hợp với mục tiêu và khả năng cân đối vốn;
- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới năm 2025 theo tiến độ thực hiện trong năm ngân sách;
- Xây dựng và phân bổ vốn đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, sử dụng nguồn vốn được giao để thực hiện các mục tiêu chung của các chương trình, bảo đảm sử dụng vốn tiết kiệm, hiệu quả.

II. Dự kiến kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 122.498 triệu đồng, trong đó:

1. Vốn cân đối Ngân sách xã: 96.532 triệu đồng
2. Thu điều tiết các cấp ngân sách: 25.966 triệu đồng

III. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025:

Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 phân bổ từ nguồn điều tiết ngân sách xã là: 122.498 triệu đồng, trong đó:

1. Phân bổ cho dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 cho 34 dự án với số tiền: 54.678 triệu đồng; Trong đó:
 - Xã Nga Tân (cũ) 09 dự án số tiền: 9.019 triệu đồng;
 - Xã Nga Tiến (cũ) 22 dự án, số tiền: 31.911 triệu đồng;
 - Xã Nga Thái (cũ) 03 dự án, số tiền: 13.748 triệu đồng.
2. Phân bổ cho dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 cho 38 dự án với số tiền: 64.720 triệu đồng; Trong đó:
 - Xã Nga Tân (cũ) 12 dự án số tiền: 19.836 triệu đồng;
 - Xã Nga Tiến (cũ) 08 dự án, số tiền: 7.060 triệu đồng;
 - Xã Nga Thái (cũ) 13 dự án, số tiền: 19.662 triệu đồng;
 - Ban quản lý dự án 06 dự án, số tiền: 18.162 triệu đồng.
3. Phân bổ cho dự án khởi công mới 5 tháng cuối năm giai đoạn 2021-2025: 03 dự án, số tiền 3.100 triệu đồng;

(Số liệu chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã căn cứ Nghị quyết này, tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật, định kỳ báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân xã.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu HĐND xã và các Đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Tân Tiến khóa I, nhiệm

kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 18 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- BTV Đảng ủy đề (b/c);
- Như Điều 2, Điều 3;
- Ủy ban MTTQ xã;
- VP Đảng ủy;
- VP HĐND & UBND xã;
- Lưu VT.



Trương Thị Hiền

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÂN TIẾN

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 XÃ TÂN TIẾN

(Kèm theo Nghị quyết số 14-NQ-HĐND ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Tân Tiến)

STT	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Thực hiện giai đoạn 2021-2025			Ước giải ngân đến hết 30/6/2025			Điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Số vốn còn nợ tính đến 30/6/2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025	Đơn vị tính, Triệu đồng	Chủ đầu tư			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn cấp trên	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn cấp trên	Tổng nguồn vốn	NS cấp trên	NS xã	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NS cấp trên	NS xã	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NS cấp trên	NS xã							
																				7	8	9
1	2	3	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
TỔNG CỘNG																						
A	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2015-2020 sang giai đoạn 2021-2025																					
	Xã Nga Tân cũ																					
1	Đường giao thông nội đồng, xóm 4 xã Nga Tân, Hạng mục: Nền, mặt đường	7248977	2018	1.108		1.096		1.028	0	1.028	958	0	958				958	0	958	68		UBND xã Tân Tiến
2	Cải tạo sửa chữa trường THCS xã Nga Tân, HM: Nhà vệ sinh, rãnh thoát nước và các hạng mục khác	7248977	2018	1.189		1.126		873	250	623	1.126	250	876				1.126	250	876	253		UBND xã Tân Tiến
3	Trường Mầm non xã Nga Tân, Hạng mục: Sửa chữa khuôn viên sân trường và các hạng mục phụ trợ	7248977	2018	1.039	500	1.039		717	700	17	1.039	700	339				1.039	700	339	322	170	UBND xã Tân Tiến
4	Nâng cấp, cải tạo Trường tiểu học xã Nga Tân, huyện Nga Sơn, Hạng mục: Nhà lớp học, khuôn viên sân trường và các hạng mục phụ trợ khác	7248977	2018	1.198	954	1.197		1.158	954	204	1.197	954	243				1.197	954	243	39		UBND xã Tân Tiến
5	Cải tạo nghĩa trang số 2 thôn 4 xã Nga Tân	7248977	2020	565		536		366	0	366	536	0	536				536	0	536	170		UBND xã Tân Tiến
6	Nạo vét kênh Hng Long bên bờ Nam đoạn từ công Mông Giương I đến công Mông Giương II xã Nga Tân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	7248977	2020	697		659		602	0	602	697	0	697				697	0	697	57		UBND xã Tân Tiến
7	Cầu giao thông xã Nga Tân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Hạng mục: Cầu qua kênh và nạo vét Kênh Ba Lang Xóm 2	7248977	2020	1.098	1.000	1.088		1.028	1.000	28	1.088	1.000	88				1.088	1.000	88	60		UBND xã Tân Tiến
8	Trạm y tế xã Hạng mục: Công trường rào, biển hiệu	7248977	2019	729		719		79	0	79	729	0	729				729	0	729	640		UBND xã Tân Tiến
9	Trạm y tế xã Nga Tân	7248977	2018	5.249	3.200	1.649		100	0	100	1.649	0	1.649				1.649	0	1.649	1.549		UBND xã Tân Tiến
	xã Nga Tân cũ																					
1	Trường Mầm Non xã Nga Tân, HM : Nhà bếp,rãnh thoát nước	7199322	2018	814		814		769	0	769	814		814				814	0	814	45		UBND xã Tân Tiến
2	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trường Mầm Non xã Nga Tân, HM : Lát sân trường, xây tường rào, [bàn hoa và nhà lớp học	7199322	2019	689		689		650		650	689		689				689	0	689	39		UBND xã Tân Tiến
	xã Nga Tân cũ																					
	TỔNG CỘNG																					
	30/6/2025																					
	Ước giải ngân đến hết 30/6/2025																					
	Thực hiện giai đoạn 2021-2025																					
	Thời gian KC-HT																					
	Tổng mức đầu tư																					
	Điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025																					
	Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025																					
	Số vốn còn nợ tính đến 30/6/2025																					
	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025																					
	Đơn vị tính, Triệu đồng																					
	Chủ đầu tư																					



STT	Đanh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Thực hiện giai đoạn 2021-2025		Lịch giải ngân đến hết 30/6/2025			Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số vốn còn nợ tính đến 30/6/2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn cấp trên	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn cấp trên	Tổng nguồn vốn	NS cấp trên	NS xã	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS cấp trên	NS xã	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS cấp trên	NS xã	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS cấp trên	NS xã				
3	Cải tạo sửa chữa trường tiểu học xã Nga Tiên, HM: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng, sân chơi và tường rào	7199322	2018	710		710		668		668		710		668		710		0	710	42		UBND xã Tân Tiến	
4	Cải tạo sửa chữa trường tiểu học xã Nga Tiên, HM: Lái sân trường tường rào, nhà vệ sinh	7199322	2021	1.094		1.094		984		984		1.094		984		1.094		0	1.094	110		UBND xã Tân Tiến	
5	Nhà vệ sinh trường trung học cơ sở xã Nga Tiên, HM: Nhà vệ sinh	7199322	2018	310		310		150		150		310		150		310		0	310	160		UBND xã Tân Tiến	
6	Cải tạo sửa chữa trường trung học xã Nga Tiên, HM: Nhà vệ sinh, tường rào và lát sân trường	7199322	2020	778		778		697		697		778		697		778		0	778	81		UBND xã Tân Tiến	
7	Đường GT nội đồng xã Nga Tiên, HM: Nền, mặt đường tuyến 1 và công thoát nước	7199322	2017	5.707		5.707		5.000		5.000		5.707		5.000		5.707		0	5.707	707	220	UBND xã Tân Tiến	
8	Đường GT tuyến 3 và tuyến 4 - dự án 257 xã Nga Tiên, HM: Tuyến 3; đường ống Điện đi sông Mậu Đức đoạn từ Km0 + 000 đến Km0 + 878m; tuyến 4; đường ống Mẫn đi nhà thờ; đoạn từ Km0 đến Km0 + 171m	7199322	2014	1.100		1.100		1.010		1.010		1.100		1.010		1.100		0	1.100	90		UBND xã Tân Tiến	
9	Đường giao thông nội đồng xã Nga Tiên, HM: Đường sông 12 từ thôn 1 đến thôn 3	7199322	2020	963		963		903		903		963		903		963		0	963	60		UBND xã Tân Tiến	
10	Đường giao thông nội đồng xóm 8 xã Nga Tiên, HM: Tuyến đường từ nhà anh Khoa đi công Xuân Mai (Giai đoạn 2)	7199322	2017	1.141		1.141		1.045		1.045		1.141		1.045		1.141		0	1.141	96		UBND xã Tân Tiến	
11	Đường GT nông thôn xã Nga Tiên, HM: Tuyến 1: đoạn từ nghĩa trang cũ đi đầm ông sự và tuyến 2: Đoạn từ nhà ông Khoa đến công Xuân mai (Giai đoạn 1)	7199322	2018	1.152		1.152		1.035		1.035		1.152		1.035		1.152		0	1.152	117		UBND xã Tân Tiến	
12	CT: Trung tâm văn hóa thể thao xã Nga Tiên, HM: Nhà hội trường; Xây lập	7199322	2016	6.757		6.757		6.423		6.423		6.757		6.423		6.757		0	6.757	334		UBND xã Tân Tiến	
13	CT: Trung tâm văn hóa thể thao xã Nga Tiên, HM: Sân vận hóa	7199322	2018	5.076		5.076		4.892		4.892		5.076		4.892		5.076		0	5.076	184		UBND xã Tân Tiến	
14	Nạo vét, kênh tiêu nội đồng xã Nga Tiên, HM: Đoạn từ công Xuân mai 1 đến công Xuân mai 2	7199322	2019	672		672		637		637		672		637		672		0	672	35		UBND xã Tân Tiến	
15	Nạo vét, kênh tiêu nội đồng xã Nga Tiên, HM: Đoạn từ công phủ sơn đến công cỏ cần	7199322	2019	672		672		645		645		672		645		672		0	672	27		UBND xã Tân Tiến	
16	Nạo vét, làm vệ sinh và đào góc cây bờ bắc kênh hung long đoạn từ công Mông Giương 1 đến công mông giương 2 xã Nga Tiên	7199322	2020	472		472		402		402		472		402		472		0	472	70	85	UBND xã Tân Tiến	
17	Trạm y tế xã Nga Tiên, HM: Tường rào khuôn viên	7199322	2018	1.061		1.061		692		692		1.061		692		1.061		0	1.061	369		UBND xã Tân Tiến	
18	Sửa nhà công sở xã Nga Tiên, HM: Nhà làm việc 2 tầng	7199322	2018	216		216		201		201		216		201		216		0	216	15		UBND xã Tân Tiến	

STT	Đanh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HIT	Tổng mức đầu tư		Thực hiện giai đoạn 2025		Ước giải ngân đến hết 30/6/2025			Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số vốn còn nợ tính đến 30/6/2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn cấp trên	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn cấp trên	Tổng nguồn vốn	NS cấp trên	NS xã	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NS cấp trên	NS xã	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NS cấp trên	NS xã			
19	Dương GT thuộc dự án 257 xã Nga Tiên, HM: Tuyến số 5 - từ nhà thờ đi nhà văn hóa xóm 10 đoạn từ K0 - K0 + 163m	7199322	2017	308		308		230		230		308		308		78		UBND xã Tân Tiến	
20	Sửa trường trung học	7199322	2015	618		618		500		500		618		618		118		UBND xã Tân Tiến	
21	Nhà làm việc UBND xã Nga Tiên, HM: Nhà cấp 4; 5 phòng.	7199322	2016	759		759		588		588		759		759		171		UBND xã Tân Tiến	
22	Các hạng mục phụ trợ UBND xã Nga Tiên, HM: Các hạng mục phụ trợ	7199322	2017	842		842		567		567		842		842		275		UBND xã Tân Tiến	
				13.748	0	13.748		9.076	0	9.076		13.748	0	13.748	0	4.672	0		
23	Hạ tầng khu dân cư phía nam kênh giáp An Thái	7212912	2019	12.173		12.173		8.876		8.876		12.173		12.173		3.297		UBND xã Tân Tiến	
24	Nhà hội trường xã Nga Tiên	7212912	2020	887		887		0		0		887		887		887		UBND xã Tân Tiến	
25	Lắp đặt hệ thống camera giám sát	7212912	2020	688		688		200		200		688		688		488		UBND xã Tân Tiến	
B	Đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			91.611	7.400	91.252	0	55.907	1.500	32.944		62.320	2.000	15.436	0	35.345	2.045		
				22.527	7.400	22.168		15.851	1.500	14.351		17.436	2.000	15.436		6.317	345		
1	Trạm y tế xã. Hạng mục: Lò đốt rác, rãnh nước, sân, vườn, thiết bị	7248977	2021	635		612		277	0	277		635	0	635		335		UBND xã Tân Tiến	
2	Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng trường THCS	7248977	2020-2021	6.304	3.000	6.065		5.875	0	5.875		3.804	0	3.804		190		UBND xã Tân Tiến	
3	Cải tạo, sửa chữa trường THCS xã Nga Tân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Lat sân trường, rãnh thối nước, bồn hoa	7248977	2021	1.203	500	1.138		1.051	500	551		638	500	638		87		UBND xã Tân Tiến	
4	Cải tạo sửa chữa trường tiểu học xã Nga Tân, huyện Nga Sơn, Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng, 10 phòng	7248977	2021	1.188	500	1.180		1.113	500	613		680	500	680		67		UBND xã Tân Tiến	
5	Trường Tiểu học xã Nga Tân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Hạng mục: Nhà vệ sinh học sinh	7248977	2022	481		456		401	0	401		481	0	481		55		UBND xã Tân Tiến	
6	Cải tạo nghĩa trang số 01 xã Nga Tân	7248977	2023	773		892		673	0	673		773		773		219		UBND xã Tân Tiến	
7	Mầm non xã Nga Tân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng, nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ khác	7248977	2023	688	500	673		594	500	94		173	500	173		79		UBND xã Tân Tiến	
8	Nạo vét kênh Thủy Sản, kênh Bao Triều từ thôn 1 đến thôn 8 và đào đắp ngầm vùng cực bờ kênh ông Ty, xã Nga Tân, huyện Nga Sơn	7248977	2024	371		371		347	0	347		371	0	371		24	110	UBND xã Tân Tiến	



STT	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Thực hiện giai đoạn 2025		Ước giải ngân đến hết 30/6/2025			Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025		Số vốn còn nợ tính đến 30/6/2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025	Chú đầu tư
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn cấp trên	Tổng nguồn vốn	NS cấp trên	NS xã	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS cấp trên	NS xã	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
9	Cải tạo, nâng cấp trường THCS xã Nga Tân, huyện Nga Sơn; Hàng mục: Nâng cấp sân, khuôn viên trường và các hạng mục khác	2025	722	500	500	500	0	500	500	167	667	667	167	163	UBND xã Tân Tiến
10	Cải tạo công sở xã Nga Tân. Hàng mục: Biên công UBND xã + Vi nhập	2025	163	2400	157	2400	0	157	163	163	163	163	6	163	UBND xã Tân Tiến
11	Đường giao thông nội nông thôn xã Nga Tân, huyện Nga Sơn. HM: Đường Tây Lãng thôn 1 thôn 2	2025	3200	2400	2400	2400	0	2400	800	800	800	800	800	800	UBND xã Tân Tiến
12	Nhà công vụ xã Nga Tân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Hàng mục: Nhà làm việc 2 tầng 10 phòng, nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ. Xã Nga Tiên cũ	2023	6.799	0	2.463	2.463	0	2.463	0	6.751	6.751	6.751	4.288	72	UBND xã Tân Tân
1	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thoát nước trường tiểu học. HM: Rãnh thoát nước	2021	138	100	100	100	0	100	0	138	138	138	38	180	UBND xã Tân Tiến
2	Cổng tiêu phía nam tiến an chân đê thôn 2 xã Nga Tiên	2022	829	485	485	485	0	485	0	829	829	829	344		UBND xã Tân Tiến
3	Cải tạo, sửa chữa trường trung học cơ sở xã Nga Tiên	2022	398	609	250	250	0	250	0	398	398	398	148		UBND xã Tân Tiến
4	Trường Mầm Non xã Nga Tiên, HM: Nhà nghề thuật thể chất	2022	609	422	422	422	0	422	0	609	609	609	187	180	UBND xã Tân Tiến
5	Đường lánh nam dự án xanh hòa	2023	1.032	825	825	825	0	825	0	1.032	1.032	1.032	207		UBND xã Tân Tiến
6	Hệ thống Camera giám sát xã Nga Tiên	2021	716	700	700	700	0	700	0	716	716	716	16		UBND xã Tân Tiến
7	Tu sửa khuôn viên nghĩa trang C3 xã Nga Tiên, HM: San lấp mặt bằng, đường nội bộ	2025	639	593	593	593	0	593	0	639	639	639	46		UBND xã Tân Tiến
8	Đường giao thông nông thôn xã Nga Tiên, HM: Tuyến từ đường trục đi để sông cạn	2025	2.699	19.662	12.818	12.818	0	12.818	0	2.699	2.699	2.699	299	500	UBND xã Tân Tiến
1	Xã Nga Thái cũ		19.662	0	12.818	12.818	0	12.818	0	19.662	19.662	19.662	6.844		UBND xã Tân Tiến
1	Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng học	2021	8.500	6.994	6.994	6.994	0	6.994	0	8.500	8.500	8.500	1.506		UBND xã Tân Tiến
2	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học - năm 2021	2021	1.188	948	948	948	0	948	0	1.188	1.188	1.188	240		UBND xã Tân Tiến
3	Cải tạo sửa chữa trường tiểu học - năm 2022	2022	800	700	700	700	0	700	0	800	800	800	100		UBND xã Tân Tiến
4	Cải tạo sửa chữa trường tiểu học - năm 2025	2025	949	500	500	500	0	500	0	949	949	949	449		UBND xã Tân Tiến
5	Đường giao thông nông thôn xã Nga Thái	2023	2.700	2.518	2.518	2.518	0	2.518	0	2.700	2.700	2.700	182		UBND xã Tân Tiến



STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Thực hiện giai đoạn 2021-2025		Ước giải ngân đến hết 30/6/2025		Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Số vốn còn nợ tính đến 30/6/2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư
				Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó vốn cấp trên	Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó vốn cấp trên	Tổng nguồn vốn	NS cấp trên	NS xã	Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NS cấp trên	NS xã	Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NS cấp trên			
6	Trường THCS Nga Thái; HM: Nâng cấp, cải tạo sân đường nội bộ, rãnh thoát nước	7212912	2021	1.100	0	1.100	0	0	0	1.100	0	0	1.100	0	0	1.100	300	UBND xã Tân Tiến
7	Trường THCS Nga Thái; HM: Xây mới nhà vệ sinh, cải tạo nhà xe và HM phụ trợ	7212912	2022	1.035	0	1.035	0	0	0	1.035	0	0	1.035	0	0	1.035	200	UBND xã Tân Tiến
8	Trường Mầm non xã Nga Thái; HM: Các công trình phụ trợ	7212912	2022	1.052	0	1.052	0	0	0	1.052	0	0	1.052	0	0	1.052	1.052	UBND xã Tân Tiến
9	Trường THCS Nga Thái; HM: Nhà lớp học, nhà hiệu bộ, phòng chức năng và các HM phụ trợ khác	7212912	2024	354	0	354	0	300	0	354	0	0	354	0	0	354	54	UBND xã Tân Tiến
10	Kênh nội đồng nam trạm bơm xã Nga Thái	7212912	2022	776	0	776	0	0	0	776	0	0	776	0	0	776	776	UBND xã Tân Tiến
11	Đo đạc đất nông nghiệp	7212912	2021	476	0	476	0	400	0	476	0	0	476	0	0	476	76	UBND xã Tân Tiến
12	Tư vấn lập quy hoạch đến năm 2030	7212912	2021	494	0	494	0	458	0	494	0	0	494	0	0	494	36	UBND xã Tân Tiến
13	Điều chỉnh QH chung đến năm 2030	7212912	2021	238	0	238	0	0	0	238	0	0	238	0	0	238	238	UBND xã Tân Tiến
	Ban quản lý dự án huyện Nga Sơn ban giao			42.362	0	42.362	0	21.463	0	18.162	0	0	18.162	0	0	20.899	1.020	
1	Sửa chữa, cải tạo tuyến đê, kê hữu sông Cán từ công Tiên An đến công Mông Giương II xã Nga Tiên.		2024	7.934	0	7.934	0	5.050	0	934	0	0	934	0	0	2.884	500	UBND xã Tân Tiến
2	Trường THCS xã Nga Tiên, huyện Nga Sơn; Hàng mục: Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ		2025	4.300	0	4.300	0	300	0	400	0	0	400	0	0	4.000		UBND xã Tân Tiến
3	Cung cấp, nâng cấp tuyến đê cửa sông Cán từ công Tiên An đến công Mông Giương 2 xã Nga Tiên, huyện Nga Sơn		2025	7.000	0	7.000	0	3.150	0	700	0	0	700	0	0	3.850		UBND xã Tân Tiến
4	Cung cấp, nâng cấp tuyến đê cửa sông Cán từ vị trí Công Mông Giương 2 đến Công Tiên Thành xã Nga Tiên, huyện Nga Sơn		2025	7.800	0	7.800	0	3.084	0	800	0	0	800	0	0	4.716		UBND xã Tân Tiến
5	Khu tái định cư dự án đường giao thông từ khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Tân)		2024	15.328	0	15.328	0	9.879	0	15.328	0	0	15.328	0	0	5.449	520	UBND xã Tân Tiến
C	Dự án khởi công 6 tháng cuối năm 2025			7.000	0	7.000	0	0	0	0	0	0	3.100	2.500	600	7.000	3.100	



STT	Đanh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Thực hiện giai đoạn 2021-2025		Ước giải ngân đến hết 30/6/2025			Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số vốn còn dự tính đến 30/6/2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó (tất cả các nguồn vốn)				
1	Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ xã		2025	2.900	2.900	2.900												2.500	UBND xã Tân Tiến
2	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất xã Tân Tiến		2025	1.000	1.000	1.000												300	UBND xã Tân Tiến
3	Lập quy hoạch chung xã Tân Tiến		2025	3.100	3.100	3.100												300	UBND xã Tân Tiến

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ TÂN TIẾN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:15/NQ-HĐND

Tân Tiến, ngày 18 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch đầu tư công năm 2025
từ nguồn ngân sách xã Tân Tiến

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÂN TIẾN
KHOÁ I, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy Ban chấp hành Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 655/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc điều chỉnh dự toán thu NSNN trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 656/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc điều chỉnh phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND huyện Nga Sơn về việc bàn giao, tiếp nhận các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công cấp huyện về cấp tỉnh, cấp huyện về cấp xã, xã cũ về xã mới;

Căn cứ Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của UBND tỉnh Thanh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân



sang năm 2025) của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh và của ngân sách cấp xã (đợt 1);

Căn cứ Thông báo Kết luận số 19-TB/ĐU ngày 17 tháng 8 năm 2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Tân Tiến;

Xét Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 17/8/2025 của UBND xã Tân Tiến về việc đề nghị phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2025 từ nguồn vốn ngân sách xã Tân Tiến; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế-Ngân sách HĐND xã và các ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định Kế hoạch đầu tư năm 2025 từ nguồn vốn ngân sách xã, với những nội dung sau:

I. Nguyên tắc lập kế hoạch, thứ tự ưu tiên bố trí vốn

1. Nguyên tắc bố trí vốn

Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025 phải đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 51 Luật Đầu tư công, cụ thể:

- Nhằm thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt.

- Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định;

- Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình mục tiêu quốc gia, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế-xã hội của xã;

- Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn, thứ tự ưu tiên theo quy định tại Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14, ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QH-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ;

- Mức bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2024 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho các dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2021-2024. Mức vốn bố trí cho từng dự án đảm bảo phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2025;

- Năm 2025 là năm cuối của kỳ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025, do vậy trong năm 2025, cần ưu tiên bố trí vốn NSNN cho các dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch trung hạn; bố trí vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới trong thời kỳ tiếp theo.

2. Thứ tự ưu tiên bố trí vốn

- Bố trí đủ vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước theo quy định của pháp luật (nếu có);

- Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp đảm bảo hoàn thành dự án, phù hợp với mục tiêu và khả năng cân đối vốn;

- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới năm 2025 theo tiến độ thực hiện trong năm;

- Xây dựng và phân bổ vốn đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, sử dụng nguồn vốn được giao để thực hiện các mục tiêu chung của các chương trình, bảo đảm sử dụng vốn tiết kiệm, hiệu quả.

II. Dự kiến kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025 của xã là 5.620 triệu đồng, gồm:

1. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 2.100 triệu đồng;

2. Nguồn bổ sung mục tiêu từ Ngân sách cấp trên: 3.520 triệu đồng.

III. Kế hoạch đầu tư công năm 2025

Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2025 phân bổ từ nguồn điều tiết ngân sách xã là: 5.620 triệu đồng, trong đó:

1. Phân bổ cho dự án chuyển tiếp từ 3 xã cũ là 11 dự án với số tiền: 1.500 triệu đồng

2. Phân bổ cho dự án nhận từ Ban quản lý dự án huyện Nga Sơn là 5 dự án với số tiền là: 1.020 triệu đồng

3. Phân bổ cho dự án khởi công mới 6 tháng cuối năm là 03 dự án với số tiền: 3.100 triệu đồng;

(Số liệu chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả; định kỳ báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân xã.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu HĐND xã và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Tân Tiến khóa I nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 18 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- BTV Đảng ủy (để b/c);
- Như Điều 2, Điều 3;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Lưu VT.



Trương Thị Hiền

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÂN TIẾN

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 18/8/2025 của HĐND xã Tân Tiến)

Đơn vị: Tr. đồng

TT	Tên dự án	Mã dự án đầu tư	Mã ngành	Thời gian thi công - Hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/06/2025	Giá trị thanh toán đến 30/06/2025	Kế hoạch năm 2025				
					Tổng số	Nguồn cấp trên			Tổng số	Trong đó khối lượng hoàn thành năm trước	Nguồn cấp trên	Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu khác
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG				66.992	0	59.975	30.464	5.620	2.520	3.520	2.100	0
I	Dự án chuyển tiếp từ 3 xã cũ				17.630	0	17.613	9.001	1.500	1.500	0	1.500	0
1	Nạo vét kênh Thủy Sản, kênh Bao Triều từ thôn 1 đến thôn 8 và đào đắp ngân vùng cục bộ bờ kênh ông Ty, xã Nga Tân, huyện Nga Sơn	7248977	283	2024	373		371	347	110	110		110	
2	Nạo vét kênh Hưng Long bên bờ Nam đoạn từ công Mông Giường I đến công Mông Giường II xã Nga Tân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	7248977	283	2020	659		659	517	85	85		85	
3	Cải tạo công sở xã Nga Tân. Hạng mục: Biện công UBND xã + Vi nhép	7248977	341	2025	163		163	157	163	163		163	
4	Trường Mầm non Nga Tân, huyện Nga Sơn - Hạng mục: Sửa chữa khuôn viên sân trường và các hạng mục phụ trợ	7248977	071	2024	1.184		1.184	517	170	170	0	170	
5	Nhà công vụ xã Nga Tân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Hạng mục: Nhà làm việc 2 tầng 10 phòng, nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ.	7248977	341	2022	6.800		6.785	2.463	72	72		72	

TT	Tên dự án	Mã dự án đầu tư	Mã ngành	Thời gian thi công - Hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/06/2025	Giá trị thanh toán đến 30/06/2025	Kế hoạch năm 2025				
					Tổng số	Nguồn cấp trên			Trong đó khối lượng hoàn thành năm trước	Nguồn cấp trên	Nguồn đối ngân sách	Nguồn thu khác	
6	Trường THCS Nga Thái; HM: Nâng cấp cải tạo sân, đường nội bộ, rãnh thoát nước, bồn cây, công trường, nhà xe học sinh	7212912	073	2024	1.100		1.100		300		300		
7	Trường THCS Nga Thái; HM: Xây mới nhà vệ sinh, cải tạo nhà xe và HM phụ trợ	7212912	073	2022	1.035		1.035		200		200		
8	Đường giao nội đồng xã Nga Tiến, HM: Nền, mặt đường tuyến I và công thoát nước	7199322	292	2017	5.707		5.707	5.000	220		220		
9	Trường Mầm Non xã Nga Tiến, HM: Nhà nghệ thuật thể chất	7199322	071	2022	609		609		180		180		
II	Dự án nhận bàn giao từ Ban quản lý huyện				42.362	0	42.362	21.463	1.020	1.020	0	0	
1	Sửa chữa, cải tạo tuyến đê, kè hữu sông Càn từ công Tiến An đến công Mộng Giường II xã Nga Tiến.		292	2024	7.934		7.934	5.050	500		500		
2	Khu tái định cư dự án đường giao thông từ khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Tân)		283	2024	15.328		15.328	9.879	520		520		
3	Trường THCS xã Nga Tiến, huyện Nga Sơn; Hạng mục: Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ		073	2025	4.300		4.300	300					
4	Củng cố, nâng cấp tuyến đê cửa sông Càn từ công Tiến An đến công Mộng Giường 2 xã Nga Tiến, huyện Nga Sơn		292	2025	7.000		7.000	3.150					

TT	Tên dự án	Mã dự án đầu tư	Mã ngành	Thời gian thi công - Hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/06/2025	Giá trị thanh toán đến 30/06/2025	Kế hoạch năm 2025				
					Tổng số	Nguồn cấp trên			Tổng số	Trong đó khối lượng hoàn thành năm trước	Nguồn cấp trên	Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu khác
5	Củng cố, nâng cấp tuyến đê cửa sông Càn từ vị trí Cống Mộng Giương 2 đến Cống Tiên Thành xã Nga Tiên, huyện Nga Sơn		292	2025	7.800		7.800	3.084					
III	Dự án khởi công 6 tháng cuối năm 2025				7.000	0	7.000	0	3.100	0	2.500	600	0
1	Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ xã		341	2025	2.900				2.500				
2	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất xã Tân Tiến		332	2025	1.000				300			300	
3	Lập quy hoạch chung xã Tân Tiến		332	2025	3.100				300			300	



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ TÂN TIẾN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:16/NQ-HĐND

Tân Tiến, ngày 18 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê chuẩn đổi tên Thôn trên địa bàn xã Tân Tiến sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÂN TIẾN
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn Cứ Luật ban hành văn bản quy phạm Pháp luật năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV;

Căn cứ Công văn số 4168/BNV-CQDP ngày 23/6/2025 của Bộ Nội vụ: Hướng dẫn về việc chuyển đổi thôn, tổ dân phố và đổi tên thôn, tổ dân phố do trùng tên tại đơn vị hành chính phường mới hình thành sau sắp xếp;

Căn cứ Công văn số 3279/SNV-XDCQ&CTTN ngày 04/7/2025 của Sở Nội vụ Thanh Hóa về hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã;

Xét Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 08/8/2025 của UBND xã Tân Tiến về việc đề nghị đổi tên Thôn khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp; Báo cáo thẩm tra số 03/BC-BVHXH ngày 13/8/2025 của Ban Văn Hóa-Xã Hội, HĐND xã; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất đổi tên 24 Thôn trên địa bàn xã Tân Tiến sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau:

TT	Tên Thôn cũ	Tên Thôn mới
1	Thôn 9 xã Nga Thái	Thôn 1 - xã Tân Tiến
2	Thôn 8 xã Nga Thái	Thôn 2 - xã Tân Tiến
3	Thôn 7 xã Nga Thái	Thôn 3 - xã Tân Tiến
4	Thôn 6 xã Nga Thái	Thôn 4 - xã Tân Tiến
5	Thôn 5 xã Nga Thái	Thôn 5 - xã Tân Tiến
6	Thôn 4 xã Nga Thái	Thôn 6 - xã Tân Tiến
7	Thôn 3 xã Nga Thái	Thôn 7 - xã Tân Tiến
8	Thôn 2 xã Nga Thái	Thôn 8 - xã Tân Tiến

9	Thôn 1 xã Nga Thái	Thôn 9 - xã Tân Tiến
10	Thôn 1 xã Nga Tiến	Thôn 10 - xã Tân Tiến
11	Thôn 2 xã Nga Tiến	Thôn 11 - xã Tân Tiến
12	Thôn 3 xã Nga Tiến	Thôn 12 - xã Tân Tiến
13	Thôn 4 xã Nga Tiến	Thôn 13 - xã Tân Tiến
14	Thôn 5 xã Nga Tiến	Thôn 14 - xã Tân Tiến
15	Thôn 6 xã Nga Tiến	Thôn 15 - xã Tân Tiến
16	Thôn 7 xã Nga Tiến	Thôn 16 - xã Tân Tiến
17	Thôn 1 xã Nga Tân	Thôn 17 - xã Tân Tiến
18	Thôn 2 xã Nga Tân	Thôn 18 - xã Tân Tiến
19	Thôn 3 xã Nga Tân	Thôn 19 - xã Tân Tiến
20	Thôn 4 xã Nga Tân	Thôn 20 - xã Tân Tiến
21	Thôn 5 xã Nga Tân	Thôn 21 - xã Tân Tiến
22	Thôn 6 xã Nga Tân	Thôn 22 - xã Tân Tiến
23	Thôn 7 xã Nga Tân	Thôn 23 - xã Tân Tiến
24	Thôn 8 xã Nga Tân	Thôn 24 - xã Tân Tiến
Tổng: 24 Thôn		

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, chỉ đạo các Thôn tiến hành thay đổi biển tên Thôn, đảm bảo cho hoạt động của các thôn được diễn ra thuận lợi và hiệu quả hơn.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các tổ đại biểu HĐND và các đại biểu HĐND xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Tân Tiến khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 18 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- Sở Nội vụ tỉnh (B/c);
- Thường trực Đảng ủy (B/c);
- Thường trực HĐND xã;
- Ban XD Đảng, UBKT Đảng ủy;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND xã;
- UBMTTQ xã và các đoàn thể xã;
- Ủy viên UBND xã;
- Văn phòng Đảng ủy xã;
- Văn phòng HĐND&UBND xã;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu VT.



Trương Thị Hiền

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ TÂN TIẾN

Số: 17/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Tiến, ngày 18 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ, giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức
khối chính quyền; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp
công lập trực thuộc UBND xã Tân Tiến

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÂN TIẾN
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Thanh Hóa năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ quy
định về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy
định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 651/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của Hội đồng nhân
dân tỉnh Thanh Hóa về việc giao chỉ tiêu biên chế tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND tỉnh
Thanh Hóa về việc giao biên chế khối chính quyền của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ Quyết định 2185/QĐ-UBND, ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh
Thanh Hóa về việc giao số lượng lao động hợp đồng làm giáo viên được hỗ trợ
kinh phí trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn
tỉnh năm học 2025-2026 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 08/8/2025 của UBND xã Tân Tiến
về việc đề nghị phê chuẩn phân bổ, giao biên chế cán bộ, công chức khối
chính quyền, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập
trực thuộc UBND xã Tân Tiến; Báo cáo thẩm định số 03/BC-BVHXXH ngày
13/8/2025 của Ban Văn Hóa-Xã Hội, HĐND xã và ý kiến thảo luận của các
đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định phân bổ, giao biên chế cán bộ, công chức khối
chính quyền, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập
trực thuộc UBND xã Tân Tiến như sau:

1. Biên chế cán bộ, công chức, viên chức khối chính quyền xã Tân Tiến



năm 2025 là: 46 biên chế;

2. Biên chế sự nghiệp giáo dục trong các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND xã, năm 2025 là: 206 biên chế;

3. Lao động Hợp đồng làm giáo viên theo Nghị định 111/NĐ-CP là: 19 lao động.

(Có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Quyết định phân bổ chỉ tiêu biên chế phù hợp với yêu cầu thực tế của địa phương.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Tân Tiến khóa I nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 18 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hoá (B/c);
- TT Đảng uỷ (B/c);
- Lãnh đạo UBND xã
- UBMTTQ, các đoàn thể xã;
- Văn phòng HĐND&UBND xã;
- Các cơ quan chuyên môn, ngành, đơn vị có liên quan;
- Lưu VT.



Trương Thị Hiền

Phụ lục 01
Phân bổ biên chế cán bộ, công chức, viên chức
khôi chính quyền xã Tân Tiến năm 2025
(Kèm theo Nghị Quyết số: 17/NQ-HĐND, ngày 18/8/2025 của HĐND xã)

TT	Đơn vị	Biên chế	Ghi chú
I	Cơ quan HĐND xã Tân Tiến	05	
II	Cơ quan UBND xã Tân Tiến		
1	Chủ tịch, các Phó Chủ tịch	03	
2	Văn phòng HĐND&UBND	09	
3	Phòng Văn hóa-Xã hội	08	
4	Phòng Kinh tế	10	
5	Trung tâm phục vụ hành chính công	08	
6	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	03	
	Tổng cộng	46	

PHỤ LỤC 02

**Biên chế sự nghiệp giáo dục trong các đơn vị sự nghiệp
thuộc UBND xã Tân Tiến năm 2025**

(Kèm theo Nghị Quyết số: 17/NQ-HĐND, ngày 18/8/2025 của HĐND xã)

TT	Tên đơn vị	Biên chế	Lao động Hợp đồng làm giáo viên theo Nghị định 111/NĐ-CP	Ghi chú
I	Trường Mầm non	59	05	
1	Trường mầm non Nga Tân	23	01	
2	Trường mầm non Nga Tiến	17	03	
3	Trường mầm non Nga Thái	19	01	
II	Trường Tiểu học	79	06	
1	Trường tiểu học Nga Tân	24	02	
2	Trường tiểu học Nga Tiến	23	01	
3	Trường tiểu học Nga Thái	32	03	
III	Trường Trung học cơ sở	68	08	
1	Trường THCS Nga Tân	21	02	
2	Trường THCS Nga Tiến	20	01	
3	Trường THCS Nga Thái	27	05	
	Tổng cộng	206	19	

